

**Toán****GIẢI BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM (Tiếp theo)****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Biết tìm một số phần trăm của một số .
- Vận dụng được để giải bài toán đơn giản về tìm giá trị một số phần trăm của một số.

- Học sinh làm bài 1, 2.

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng tìm một số phần trăm của một số .**3. Thái độ:** Giáo dục HS ý thức tự giác, tích cực trong học tập.**4. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**II. CHUẨN BỊ****1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

**2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. Hoạt động khởi động:(3 phút)</b>	
- Cho HS thi nêu cách tìm tỉ số phần trăm của hai số. - GV nhận xét. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS nêu  - HS nghe - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)</b> <i>*Mục tiêu:</i> Biết tìm một số phần trăm của một số . <i>*Cách tiến hành:</i>	
<i>* Hướng dẫn giải bài toán về tỉ số phần trăm.</i> <i>-Ví dụ:</i> Hướng dẫn tính 52,5% của 800. - GV nêu bài toán ví dụ: Một trường tiểu học có 800 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm 52,5%. Tính số học sinh nữ của trường đó. - Em hiểu câu “Số học sinh nữ chiếm 52,5% số học sinh cả trường” như thế nào?	- HS nghe và tóm tắt lại bài toán.  - Coi số học sinh cả trường là 100% thì số học sinh nữ là 52,5% hay nếu số học sinh cả trường chia thành 100 phần bằng nhau thì số học sinh nữ chiếm 52,5 phần

<p>- Cả trường có bao nhiêu học sinh ?</p> <p>- GV ghi lên bảng:</p> <p>100% : 800 học sinh</p> <p>1% : ... học sinh?</p> <p>52,5% : ... học sinh?</p> <p>- Coi số học sinh toàn trường là 100% thì 1% là mấy học sinh?</p> <p>- 52,5 số học sinh toàn trường là bao nhiêu học sinh?</p> <p>- Vậy trường đó có bao nhiêu học sinh nữ?</p> <p>- Thông thường hai bước tính trên ta viết gộp lại như sau:</p> <p><math>800 : 100 \times 52,5 = 420</math> (học sinh)</p> <p>Hoặc <math>800 \times 52,5 : 100 = 420</math> (học sinh)</p> <p>- Trong bài toán trên để tính 52,5% của 800 chúng ta đã làm như thế nào ?</p> <p><i>* Bài toán về tìm một số phần trăm của một số</i></p> <p>- GV nêu bài toán: Lãi suất tiết kiệm là 0,5% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 1 000 000 1 tháng. Tính số tiền lãi sau một tháng.</p> <p>- Em hiểu câu “Lãi suất tiết kiệm 0,5% một tháng” như thế nào ?</p> <p>- GV nhận xét câu trả lời của HS sau đó nêu: Lãi suất tiết kiệm là 0,5% một tháng nghĩa là nếu gửi 100 đồng thì sau một tháng được lãi 0,5 đồng.</p> <p>- GV viết lên bảng:</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài</p> <p>- GV chữa bài của HS trên bảng lớp.</p>	<p>như thế.</p> <p>- Cả trường có 800 học sinh.</p> <p>- 1% số học sinh toàn trường là: <math>800 : 100 = 8</math> (học sinh)</p> <p>- 52,5% số học sinh toàn trường là: <math>8 \times 52,5 = 420</math> (học sinh)</p> <p>- Trường có 420 học sinh nữ.</p> <p>- Ta lấy 800 nhân với 52,5 rồi chia cho 100 hoặc lấy 800 chia cho 100 rồi nhân với 52,5.</p> <p>- HS nghe và tóm tắt bài toán.</p> <p>- Một vài HS phát biểu trước lớp.</p> <p>100 đồng lãi: 0,5 đồng 1000 000 đồng lãi : ...đồng?</p> <p>- 1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.</p> <p><i>Bài giải</i></p> <p>Số tiền lãi sau mỗi tháng là: <math>1000000 : 100 \times 0,5 = 5000</math> (đ)</p> <p><i>Đáp số:</i> 5000 đồng</p>
<p><b>3. HĐ thực hành: (15 phút)</b></p> <p><i>*Mục tiêu:</i></p> <p>- Vận dụng được để giải bài toán đơn giản về tìm giá trị một số phần trăm của một số.</p> <p>- Học sinh làm bài 1, 2.</p>	

<i>*Cách tiến hành:</i>					
<p><b>Bài 1: Cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS đọc đề bài toán</li> <li>- GV hướng dẫn</li> <li>+ Tìm 75% của 32 HS (là số HS 10 tuổi)</li> <li>+ Tìm số HS 11 tuổi.</li> <li>- GV yêu cầu HS làm bài, chia sẻ trước lớp</li> <li>- GV nhận xét, kết luận</li> </ul> <p><b>Bài 2: Cặp đôi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS đọc đề bài toán.</li> <li>- GV hướng dẫn</li> <li>+ Tìm 0,5% của 5000000 đồng (là số tiền lãi sau một tháng).</li> <li>+ Tính tổng số tiền gửi và tiền lãi</li> <li>- GV yêu cầu HS làm bài theo cặp đôi, sau đó chia sẻ trước lớp.</li> <li>- GV kết luận</li> </ul> <p><b>Bài 3(M3,4): Cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS tự làm bài vào vở.</li> <li>- GV quan sát uốn nắn HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.</li> <li>- HS nghe</li> </ul> <p>- HS làm bài, chia sẻ trước lớp</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số học sinh 10 tuổi là  <math>32 \times 75 : 100 = 24</math> (học sinh)</p> <p>Số học sinh 11 tuổi là  <math>32 - 24 = 8</math> (học sinh)</p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 8(học sinh).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS đọc đề bài toán trước lớp</li> <li>- HS nghe</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số tiền lãi gửi tiết kiệm sau một tháng là  <math>5000000 : 100 \times 0,5 = 25000</math> (đồng)</p> <p>Tổng số tiền gửi và số tiền lãi sau một tháng là:  <math>5000000 + 25000 = 5025000</math> (đồng)</p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 5 025 000 đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tự làm bài vào vở, báo cáo giáo viên</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số vải may quần là:  <math>345 \times 40 : 100 = 138(m)</math></p> <p>Số vải may áo là:  <math>345 - 138 = 207(m)</math></p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 207m</p>				
<b>4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</b>					
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đặt đề bài rồi giải theo tóm tắt:</li> </ul> <p>Tóm tắt</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="width: 30%;">37,5 %</td> <td style="width: 70%;">360 em</td> </tr> <tr> <td>100%</td> <td>? em</td> </tr> </table>	37,5 %	360 em	100%	? em	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe và thực hiện</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số HS của trường đó là:  <math>360 \times 100 : 37,5 = 960(em)</math></p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 960 em</p>
37,5 %	360 em				
100%	? em				
<b>5. Hoạt động sáng tạo:(1 phút)</b>					
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu cách tìm 1 số khi biết giá trị một số % của nó?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu</li> </ul>				

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

*Luyện từ và câu*  
**TỔNG KẾT VỐN TỪ**

**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Tìm được một số từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa với các từ: *nhân hậu, trung thực, dũng cảm, cần cù.* (BT1)

- Tìm được những từ ngữ miêu tả tính cách con người trong bài văn *Cô Chám* (BT2).

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng tìm từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và tìm từ miêu tả tính cách nhân vật.

**3. Thái độ:** Giáo dục HS ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**4. Năng lực:**

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

**II. CHUẨN BỊ****1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa,

- Học sinh: Vở viết, SGK

**2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. Hoạt động khởi động:(5 phút)</b>	
- Cho HS thi đọc đoạn văn miêu tả hình dáng của 1 người. - Nhận xét, tuyên dương - Giới thiệu bài : ghi bảng	- HS thi đọc  - HS nghe - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động thực hành:(30 phút)</b>	
* <i>Mục tiêu:</i>	
- Tìm được một số từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa với các từ: <i>nhân hậu, trung thực, dũng cảm, cần cù.</i> (BT1)	
- Tìm được những từ ngữ miêu tả tính cách con người trong bài văn <i>Cô Chám</i> (BT2).	
* <i>Cách tiến hành:</i>	

<p><b>Bài 1: HĐ Nhóm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập</li> <li>- Chia lớp thành 4 nhóm. Yêu cầu tìm từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa với 1 trong các từ: nhân hậu, trung thực, dũng cảm, cần cù</li> <li>- Yêu cầu 4 nhóm viết lên bảng, đọc các từ nhóm mình vừa tìm được, các nhóm khác nhận xét</li> <li>- GV ghi nhanh vào cột tương ứng</li> <li>- Nhận xét kết luận các từ đúng.</li> </ul>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu yêu cầu</li> <li>- Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận</li> <li>- Đại diện nhóm lên bảng chia sẻ.</li> </ul>		
Từ	Đồng nghĩa	Trái nghĩa			
<i>nhân hậu</i>	<i>nhân ái, nhân nghĩa, nhân đức, phúc hậu, thương người..</i>	<i>bất nhân, bất nghĩa, độc ác, tàn nhẫn, tàn bạo, bạo tàn, hung bạo</i>			
<i>trung thực</i>	<i>thành thực, thành thật, thật thà, thực thà, thẳng thắn, chân thật</i>	<i>dối trá, gian dối, gian manh, gian xảo, giả dối, lừa dối, lừa đảo, lừa lọc</i>			
<i>dũng cảm</i>	<i>anh dũng, mạnh dạn, bạo dạn, dám nghĩ dám làm, gan dạ</i>	<i>hèn nhát, nhút nhát, hèn yếu, bạc nhược, nhu nhược</i>			
<i>cần cù</i>	<i>chăm chỉ, chuyên cần, chịu khó, siêng năng, tận tảo, chịu thương chịu khó</i>	<i>lười biếng, lười nhác, đại lãn</i>			
<p><b>Bài 2: HĐ Cặp đôi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu, thảo luận cặp đôi:</li> <li>- Bài tập có những yêu cầu gì?</li> <li>+ Cô Chấm có tính cách gì?</li> <li>- Tổ chức cho HS thi tìm các chi tiết và từ minh họa cho từng tính cách của cô Chấm</li> <li>- GV nhận xét, kết luận</li> </ul>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu, thảo luận cặp đôi</li> <li>+ Bài tập yêu cầu nêu tính cách của cô Chấm, tìm những chi tiết, từ ngữ để minh họa cho nhận xét của mình.</li> <li>+ Trung thực, thẳng thắn, chăm chỉ, giản dị, giàu tình cảm, dễ xúc động</li> <li>- HS thi</li> <li><i>Ví dụ:</i></li> <li>- <i>Trung thực, thẳng thắn:</i> Đôi mắt Chấm định nhìn ai thì <i>dám nhìn thẳng.</i></li> <li>- <i>Nghĩ thế nào, Chấm dám nói thế....</i></li> <li>- <i>Chăm chỉ:</i></li> <li>- <i>Chăm cần còm và lao động để sống.</i></li> <li>- <i>Chăm hay làm, đó là một nhu cầu của sự sống, không làm chân tay nó bứt rứt....</i></li> <li>- <i>Giản dị:</i></li> <li>- <i>Chấm không đua đòi may mặc. Mùa hè một áo cánh nâu. Mùa đông hai áo cánh nâu. Chấm mặc mạc như hòn đất.</i></li> </ul>		

	- <i>Giàu tình cảm, dễ xúc động:</i> - <i>Chăm hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương.</i> Cảnh ngộ trong phim có khi làm Chấm khóc gần suốt buổi. Đêm ngủ, trong giấc mơ, Chấm lại khóc hết bao nhiêu nước <b>mắt</b> .
<b>3.Hoạt động ứng dụng:(2 phút)</b>	
+ Em có nhận xét gì về cách miêu tả tính cách cô Chấm của nhà văn Đào Vũ ?	+ Nhà văn không cần nói lên những tính cách của cô Chấm mà chỉ bằng những chi tiết, từ ngữ đã khắc hoạ rõ nét tính cách của nhân vật.
<b>4.Hoạt động sáng tạo:(2 phút)</b>	
- Nhận xét tiết học - Dặn HS về nhà học bài, đọc kĩ bài văn, học cách miêu tả của nhà văn.	- HS nghe - HS nghe và thực hiện

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....  
 .....  
 .....

**Địa lí**  
**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Biết một số đặc điểm về dân cư, các ngành kinh tế ở nước ta ở mức độ đơn giản.
- Biết một số đặc điểm về địa lí tự nhiên Việt Nam ở mức độ đơn giản: đặc điểm chính của các yếu tố tự nhiên như địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng.
- Nêu tên và chỉ được vị trí một số dãy núi, đồng bằng, sông lớn, các đảo, quần đảo của nước ta trên bản đồ.

**2. Kỹ năng:** Chỉ trên bản đồ một số thành phố, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn của nước ta.

**3. Thái độ:** Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước, ham tìm hiểu địa lí

**4. Năng lực:**

- **Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**
- **Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn**

**II. CHUẨN BỊ****1. Đồ dùng**

- GV: Bản đồ hành chính Việt Nam nhưng không có tên các tỉnh, thành phố.
- HS: SGK, vở

**2. Phương pháp và kỹ thuật dạy học**

- PP: quan sát, thảo luận, vấn đáp, trò chơi
- Kỹ thuật đặt và trả lời câu hỏi

- Kỹ thuật trình bày 1 phút

### III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>1. Hoạt động khởi động:(5 phút)</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" nêu nhanh các sản phẩm xuất khẩu của nước ta.</li> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> <li>- Giới thiệu bài, ghi bảng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chơi trò chơi</li> <li>- HS nghe</li> <li>- HS ghi bảng</li> </ul>
<b>2. Hoạt động thực hành:(27 phút)</b>	
<p><i>* Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết một số đặc điểm về dân cư, các ngành kinh tế ở nước ta ở mức độ đơn giản.</li> <li>- Biết một số đặc điểm về địa lí tự nhiên Việt Nam ở mức độ đơn giản: đặc điểm chính của các yếu tố tự nhiên như địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng.</li> <li>- Nêu tên và chỉ được vị trí một số dãy núi, đồng bằng, sông lớn, các đảo, quần đảo của nước ta trên bản đồ.</li> </ul> <p><i>* Cách tiến hành:</i></p>	
<p><i>*Hoạt động 1: Bài tập tổng hợp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chia HS thành các nhóm yêu cầu các em thảo luận để hoàn thành phiếu học tập sau:</li> <li>- GV theo dõi giúp đỡ.</li> <li>- GV mời HS báo cáo kết quả làm bài trước lớp.</li> <li>- GV nhận xét, sửa chữa câu trả lời cho HS.</li> <li>- GV yêu cầu HS giải thích vì sao các ý a, e trong bài tập 2 là sai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm việc theo nhóm thảo luận, xem lại các lược đồ từ bài 8 - 15 để hoàn thành phiếu.</li> <li>- 2 nhóm HS cử đại diện báo cáo kết quả của nhóm mình trước lớp, mỗi nhóm báo cáo về 1 câu hỏi, cả lớp theo dõi và nhận xét.</li> <li>- HS lần lượt nêu trước lớp: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Câu này sai vì dân cư nước ta tập trung đông ở đồng bằng và ven biển, thưa thớt ở vùng núi và cao nguyên.</li> <li>e) sai vì đường ô tô mới là đường có khối lượng vận chuyển hàng hoá, hành khách lớn nhất nước ta và có thể đi trên mọi địa hình, góc ngách để nhận và trả hàng. Đường ô tô giữ vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển ở nước ta.</li> </ul> </li> </ul>
<p><i>*Hoạt động 2: Trò chơi: ô chữ kì diệu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chuẩn bị: Bản đồ hành chính; các thẻ từ ghi tên các tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức chơi</li> <li>+ Chọn 2 đội chơi, mỗi đội có 5 HS, phát cho mỗi đội 1 lá cờ (hoặc thẻ).</li> <li>+ GV lần lượt đọc từng câu hỏi về một tỉnh, HS hai đội giành quyền trả lời bằng phát cờ hoặc giơ thẻ.</li> <li>+ Đội trả lời đúng được nhận ô chữ ghi tên tỉnh đó và gắn lên lược đồ của mình</li> <li>+ Trò chơi kết thúc khi GV nêu hết các câu hỏi</li> <li>- GV tuyên dương đội chơi tốt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS 2 đội chơi</li> </ul>
<b>3.Hoạt động ứng dụng:(2phút)</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Em hãy nêu tên một số đảo, quần đảo của nước ta ?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu: Hoàng Sa, Trường Sa, Thổ Chu, Cát Bà,...</li> </ul>
<b>4.Hoạt động sáng tạo:(1phút)</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chúng ta cần phải làm gì để giữ gìn, bảo vệ biển đảo quê hương ?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu</li> </ul>

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

.....

**Thứ tư ngày 19 tháng 12 năm 2018**

***Kể chuyện***

**KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Kể được một buổi sum họp đầm ấm trong gia đình theo gợi ý của SGK.

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng kể chuyện và nhận xét người kể.

**3. Thái độ:** Yêu quý gia đình.

**4. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

**II. CHUẨN BỊ****1. Đồ dùng**

- Giáo viên: SGK, bảng phụ

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

**2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”

- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**



Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
<b>1. Hoạt động Khởi động (5')</b>	
- Cho HS thi kể lại câu chuyện giờ trước, nêu ý nghĩa câu chuyện. - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS thi kể  - HS nghe - HS ghi vở
<b>2. Hoạt động tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học: (8')</b> * <i>Mục tiêu:</i> Kể được một buổi sum họp đầm ấm trong gia đình theo gợi ý của SGK. * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Gọi HS đọc đề bài - GV hướng dẫn HS phân tích đề bài. - Đề bài yêu cầu làm gì? - GV dùng phấn màu gạch chân những từ ngữ quan trọng. - Yêu cầu HS đọc gợi ý SGK - Yêu cầu HS giới thiệu câu chuyện mình định kể với bạn, cả lớp - GV kiểm soát nội dung, lĩnh vực câu chuyện mà HS chuẩn bị. - Yêu cầu HS chuẩn bị câu chuyện	- HS đọc đề bài       - HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể
<b>3. Hoạt động thực hành kể chuyện: (21 phút)</b> * <i>Mục tiêu:</i> Rèn kĩ năng kể chuyện và nhận xét người kể. * <i>Cách tiến hành:</i>	
- Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi - Thi kể trước lớp - Cho HS bình chọn người kể hay nhất  - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện - Nhận xét.	- HS kể theo cặp - Thi kể chuyện trước lớp - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất. - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể.
<b>3. Hoạt động ứng dụng (3')</b>	
- Những buổi sum họp đầm ấm trong gia đình mang lại những lợi ích gì ?	- HS nêu
<b>3. Hoạt động sáng tạo (1')</b>	
- Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe.	- HS nghe và thực hiện

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

-----

**Toán**  
**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**18 *Giáo viên:**Trường Tiểu học*